

Ông TH *trần* KT
T.M.T

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 328 /CTHTHHMB-TCKT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2026

V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

CHI NHÁNH HOA TIÊU III			
ĐẾN	Số: 328		
	Ngày: 30-3-2026		
SỞ	CHỦ TỊCH	THỰC HIỆN	PHÓ CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC		✓	
PGD PHẢI		✓	
PGD MÁY		✓	
P TỔNG HỢP		✓	
P. HTPT		✓	
CÔNG ĐOÀN			
ĐTN			
BAN CHQS			

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Cục Hàng hải và đường thủy Việt Nam;
- Các Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý, tổ chức và cá nhân sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc.

Căn cứ Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 12&14 toà nhà Trung tâm thương mại CatbiPlaza, số 1A đường Lê Hồng Phong, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0225.3859133/ 0225.3552943
- Số Fax: 0225.3827543/ 0225.3652300
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: www.pilotconorth.com
- Địa chỉ email: congyhoatieumienbac@vnn.vn

2. Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải niêm yết theo quy định:

Đính kèm Bảng niêm yết giá.

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/4/2026.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CVHH: Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi;
- TCT ĐATHH Việt Nam (để b/c);
- Chủ tịch Công ty; Ban KS (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Phòng KTKH; HTHH; CN HT.III, HT.IV, HT.VI;
- Niêm yết tại trụ sở Công ty, CN HT.III, HT.IV, HT.VI, website Công ty;
- Lưu: HC, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thành



Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BẢNG NIÊM YẾT MỨC GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Kèm theo công văn số 32/CTHTHHMB-TCKT ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc niêm yết giá dịch vụ, hàng hoá của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc)

I/ Mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải niêm yết:

Các mức giá tại Bảng niêm yết giá này đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng

1. Giá dịch vụ hoa tiêu đối với tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam hoạt động hàng hải nội địa:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liền kề trước (văn bản niêm yết số 782/CTHTHHMB-TCKT ngày 30/6/2025)		Giá niêm yết kỳ này		Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề
				Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT Đồng/lượt	Bán lẻ	60 2.000.000	64,8 2.160.000	54 2.000.000	58,32 2.160.000	-10%
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi). - Tính theo đơn giá	Đồng/GT/ HL	Bán lẻ	60	64,8	54	58,32	-10%

	- Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/lượt		2.000.000	2.160.000	2.000.000	2.160.000	
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	25 2.000.000	27 2.160.000	22,5 2.000.000	24,3 2.160.000	-10%
1.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;	Đồng/người/giờ Đồng/người và phương tiện/giờ	Bán lẻ	30.000 200.000	32.400 216.000	27.000 180.000	29.160 194.400	-10% -10%
1.5	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 4 giờ - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	-10%
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu - Tính theo đơn giá	Đồng/GT/ HL	Bán lẻ	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	-10%

	- Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/lượt		2.000.000	2.160.000	2.000.000	2.160.000	
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	-10%
1.8	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lái - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	150% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	150% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	150% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	150% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	-10%
1.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 2.160.000	-10%
1.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải	Đồng/lượt	Bán lẻ	2.000.000	2.160.000	2.000.000	2.160.000	Không
1.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải chi trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Đồng/tàu/lượt	Bán lẻ	300.000	324.000	270.000	291.600	-10%
1.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Đồng/GT	Bán lẻ	Áp dụng giá qui định tại điểm 1.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 1.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 1.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 1.1	-10%

2. Giá dịch vụ hoa tiêu đối với phương tiện VR-SB quốc tịch Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài có giấy phép vận tải biển nội địa: hoạt động hàng hải nội địa:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liền kề trước (văn bản niêm yết số 782/CTHTHHMB-TCKT ngày 30/6/2025)		Giá niêm yết kỳ này		Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề
				Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền đi chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT Đồng/lượt	Bán lẻ	60 2.000.000	64,8 2.160.000	60 2.000.000	64,8 2.160.000	Không
2.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi). - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	60 2.000.000	64,8 2.160.000	60 2.000.000	64,8 2.160.000	Không
2.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/ HL Đồng/lượt	Bán lẻ	25 2.000.000	27 2.160.000	25 2.000.000	27 2.160.000	Không
2.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện	Đồng/người/giờ Đồng/người và phương tiện/giờ	Bán lẻ	30.000 200.000	32.400 216.000	30.000 200.000	32.400 216.000	Không Không

	<p>+ Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ;</p> <p>+ Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ</p> <p>+ Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;</p>							
2.5	<p>Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 4 giờ</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>Đồng/GT/ HL</p> <p>Đồng/lượt</p>	Bán lẻ	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	Không
2.6	<p>Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu</p> <p>-Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>Đồng/GT/ HL</p> <p>Đồng/lượt</p>	Bán lẻ	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	Không
2.7	<p>Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>Đồng/GT/ HL</p> <p>Đồng/lượt</p>	Bán lẻ	<p>110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	Không
2.8	<p>Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lái</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>Đồng/GT/ HL</p> <p>Đồng/lượt</p>	Bán lẻ	<p>150% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>150% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	<p>150% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000</p>	<p>150% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000</p>	Không

2.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất - Tính theo đơn giá	Đồng/GT/ HL	Bán lẻ	110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000	110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.000.000	110% giá qui định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 2.160.000	Không
	- Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/lượt						
2.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải	Đồng/lượt	Bán lẻ	2.000.000	2.160.000	2.000.000	2.160.000	Không
2.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải chi trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Đồng/tàu/lượt	Bán lẻ	300.000	324.000	300.000	324.000	Không
2.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Đồng/GT	Bán lẻ	Áp dụng giá qui định tại điểm 2.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 2.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 2.1	Áp dụng giá qui định tại điểm 2.1	Không

3. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền nước ngoài hoạt động hàng hải quốc tế:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liền kề trước (văn bản niêm yết số 782/CTHTHHMB-TCKT ngày 30/6/2025)		Giá niêm yết kỳ này		Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề
				Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	USD/lượt	Bán lẻ	40	43,20	40	43,20	Không

3.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT USD/lượt	Bán lẻ	0,015 100	0,0162 108	0,015 100	0,0162 108	Không
3.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi). - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	0,0045 300	0,00486 324	0,0045 300	0,00486 324	Không
3.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, nêu trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Tính theo đơn giá: Phần khoảng cách đến 10 hải lý; Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý; Phần khoảng cách trên 30 hải lý; - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/ GT/HL USD/ GT/HL USD/ GT/HL USD/lượt	Bán lẻ	0,0034 0,0022 0,0015 300	0,003672 0,002376 0,00162 324	0,0034 0,0022 0,0015 300	0,003672 0,002376 0,00162 324	Không
3.5	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 3.4 của bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lồng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:							
a	Phần dung tích trên 80.000GT đến 120.000GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 3.4							
b	Phần dung tích trên 120.000GT đến 160.000GT áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 3.4							
c	Phần dung tích trên 160.000GT áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 3.4							
3.6	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá: - Hoa tiêu	USD/người/giờ	Bán lẻ	10	10,8	10	10,8	Không

	<p>Hoa tiêu và phương tiện</p> <p>+ Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;</p>	USD/người và phương tiện/giờ		20	21,6	20	21,6	Không
3.7	<p>Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 4 giờ</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>USD/GT/ HL</p> <p>USD/lượt</p>	Bán lẻ	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	Không
3.8	<p>Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>USD/GT/ HL</p> <p>USD/lượt</p>	Bán lẻ	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>80% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	Không
3.9	<p>Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn</p> <p>- Tính theo đơn giá</p> <p>- Tính theo lượt dẫn tàu</p>	<p>USD/GT/ HL</p> <p>USD/lượt</p>	Bán lẻ	<p>110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300</p>	<p>110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324</p>	Không

3.10	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	150% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300	150% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324	150% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300	150% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324	Không
3.11	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300	110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324	110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 300	110% giá qui định tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 324	Không
3.12	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải	USD/lượt	Bán lẻ	300	324	300	324	Không
3.13	Tàu thuyền không tới thẳng cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải chi trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	USD/tàu/lượt	Bán lẻ	30	32,4	30	32,4	Không
3.14	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng			Áp dụng giá qui định tại điểm 3.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 3.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 3.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 3.2	Không

4. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu biển quốc tịch Việt Nam động hàng hải quốc tế:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liền kề trước (văn bản niêm yết số 782/CTHTHHMB-TCKT ngày 30/6/2025)	Giá niêm yết kỳ này	Tỷ lệ tăng/giảm so
-------	-------------	-------------	----------	--	---------------------	--------------------

				Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	Chưa bao gồm thuế	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	với kỳ liền kề
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	USD/lượt	Bán lẻ	40	43,20	40	43,20	Không
4.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền đi chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT USD/lượt	Bán lẻ	0,015 100	0,0162 108	0,0135 100	0,01458 108	-10%
4.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi). - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	0,0045 300	0,00486 324	0,00405 300	0,004374 324	-10%
4.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, nêu trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Tính theo đơn giá: Phần khoảng cách đến 10 hải lý; Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý; Phần khoảng cách trên 30 hải lý; - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/ GT/HL USD/ GT/HL USD/ GT/HL USD/lượt	Bán lẻ	0,0034 0,0022 0,0015 300	0,003672 0,002376 0,00162 324	0,00306 0,00198 0,00135 300	0,0033048 0,0021384 0,001458 324	-10%
4.5	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 4.4 của bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000GT trở lên, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:							
a	Phần dung tích trên 80.000GT đến 120.000GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 4.4							
b	Phần dung tích trên 120.000GT đến 160.000GT áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 4.4							

c								
Phần dung tích trên 160.000GT áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 4.4								
4.6	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;	USD/người/giờ	Bán lẻ	10	10,8	9	9,7	-10%
		USD/người và phương tiện/giờ		20	21,6	18	19,4	-10%
4.7	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 4 giờ - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL	Bán lẻ	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	-10%
		USD/lượt		300	324	300	324	
4.8	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL	Bán lẻ	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	80% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4	-10%
		USD/lượt		300	324	300	324	
4.9	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn - Tính theo đơn giá	USD/GT/ HL	Bán lẻ					-10%

	- Tính theo lượt dẫn tàu	USD/lượt		110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	
4.10	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lái - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	150% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	150% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	150% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	150% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	-10%
4.11	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/ HL USD/lượt	Bán lẻ	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 300	110% giá qui định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 324	-10%
4.12	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải	USD/lượt	Bán lẻ	300	324	300	324	Không
4.13	Tàu thuyền không tới thẳng cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải chi trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	USD/tàu/lượt	Bán lẻ	30	32,4	27	29,2	-10%
4.14	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng			Áp dụng giá qui định tại điểm 4.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 4.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 4.2	Áp dụng giá qui định tại điểm 4.2	-10%

Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá qui định thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo lượt dẫn tàu.

Giá niêm yết kỳ liền kề trước là giá đã bao gồm: thuế GTGT 8%.

Giá niêm yết kỳ này là giá đã bao gồm: thuế GTGT 8%

Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì giá áp dụng bằng giá niêm yết (cột 8) chia cho $(1 + 8\% \text{ GTGT})$.

Trường hợp Nhà nước thay đổi mức thuế suất thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế.

Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật. Tỷ giá VND/USD áp dụng là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi Công ty, Chi nhánh của Công ty thương xuyên có giao dịch.

Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

- Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dằn;

- Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

II/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Từ ngày 01/4/2026, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc thực hiện niêm yết và thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng tại cảng biển Việt Nam và Nghị quyết số 204/2025/QH15 Nghị quyết kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV áp dụng mức thuế 8% đến 31/12/2026

Hưởng ứng lời kêu gọi tại văn bản số 4616/BXD-VT&ATGT ngày 26/3/2026 của Bộ Xây dựng về việc giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho tàu biển Việt Nam trong bối cảnh tình hình Trung Đông diễn biến phức tạp, giá

xăng dầu tăng cao, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc thực hiện giám giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam vào, rời các cảng biển trong khu vực hoạt động của mình theo văn bản số 320/CTHTHHMB-KTKH ngày 27/3/2026.

Công ty tiến hành niêm yết để đảm bảo phù hợp với Luật Giá số 16/2023/QH15.

Các mức giá niêm yết mới sau khi tách thuế GTGT không vượt quá đơn giá tối đa quy định tại Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông Vận tải.

III/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/4/2026 theo qui định tại Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng tại cảng biển Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

2. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

3. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 324 USD.

4. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, thì được áp dụng bằng 70% giá tối đa theo quy định tại Mục I Bảng niêm yết này.

5. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng

chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong Bảng niêm yết giá này.

6. Tàu công vụ không thuộc đối tượng tính giá trong Bảng niêm yết giá này.

IV/ Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải:

1. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%

Khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%: khi đáp ứng đủ Điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

"Điều 18: Điều kiện áp dụng thuế suất 0%

...

5. Đối với dịch vụ của ngành hàng hải, phải có:

"Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung cấp dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người đại lý tàu biển cho cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ."

2. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%:

Khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% khi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thuế suất 0% nêu ở mục IV.1.

Mức niêm yết giá này thực hiện từ 00 giờ 00 ngày 01/4/2026.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 và Điều 9 - Luật Giá số 16/2023/QH15.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết.



GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature)
Nguyễn Đức Thành